

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý nước thải tại Trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 270/BCTĐ-SXD ngày 20/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý nước thải tại Trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng (phía Bắc), tỉnh Bắc Ninh với các nội dung chủ yếu sau:

1. Định mức:

Đơn vị tính: 1.000m³ nước thải

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
XLNT (Xử lý nước thải)	Nguyên vật liệu		
	Chất phá bọt (Antifoam)	Kg	0,5
	Axit H ₂ SO ₄	Kg	17,4
	Kiểm NaOH	Kg	15,5
	FeSO ₄	Kg	5,0
	Na ₂ SO ₃	Kg	5,0
	PAC	Kg	33,66
	Polymer - Anion (trường hợp nước thải có độ màu cao do sự cố, hóa chất này sẽ được thay bằng Decolorant Polymer với liều lượng và chi phí không đổi)	Kg	2,13
	Dinh dưỡng bổ sung theo tỷ lệ: BOD/N/P = 100/5/1 (Methanol)	Kg	18,44
	NaOCl	Lít	2,97
Polymer cho ép bùn (Polymer – Cation)	Kg	0,585	

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
	Nước sạch pha hóa chất	M ³	5,015
	Thuốc thử COD (COD test) Thang đo: 3-150 mg/l (LR); 25test/ hộp	Mẫu	0,25
	Thuốc thử Nito tổng Thang đo: 0,5-25 mg/l	Mẫu	0,25
	Thuốc thử Phot pho tổng (Phosphate VARIO total) Thang đo: 0,06 - 3,5 mg/l	Mẫu	0,25
	Nhân công		
	+ Kỹ sư môi trường	Công	0,5
	+ Công nhân kỹ thuật	Công	3,0
	Điện năng	kWh	733,0

2. Thành phần công việc:

- Chuẩn bị điều kiện làm việc, dụng cụ làm việc, trang thiết bị bảo hộ lao động.

- Kiểm tra toàn bộ máy móc thiết bị các khu vực xử lý bao gồm: Hệ thống tiếp nhận đầu vào, Khu xử lý sơ bộ, bể xử lý hóa lý và sinh học, bể khử trùng, các khu nhà kỹ thuật, các thông số vận hành, hệ thống tủ điện, màn hình giám sát điều khiển...

- Kiểm tra các thiết bị để đảm bảo vận hành ổn định, an toàn.

- Lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải.

- Vận hành nhà máy xử lý nước thải và các trạm bơm vận chuyển nước thải về nhà máy.

- Bảo dưỡng nhỏ thường xuyên, đột xuất, sửa chữa sự cố các trang thiết bị, máy móc, công trình. Thu gom, vận chuyển tập kết rác, cát, bùn đúng nơi quy định.

- Nuôi cấy lại vi sinh bể xử lý sinh học khi gặp sự cố về công nghệ. Bổ sung hóa chất để điều chỉnh thông số vận hành khu xử lý nước thải, bùn thải.

- Bùn thải sau khi nén ép giảm thể tích được đơn vị tiếp nhận thu gom, xử lý theo qui định.

- Ghi chép nhật ký vận hành, bàn giao ca.

3. Định mức không bao gồm:

- Khấu hao tài sản, thiết bị xử lý nước thải.

- Công tác sửa chữa, thay thế các thiết bị.

- Công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng lớn toàn bộ nhà máy.

- Công tác quan trắc môi trường, xả thải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; Công ty cổ phần phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTN_{TP}, KTTH_{TP};
- Lưu: VT, KTN_{Tùng}.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh